TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/DS-ST
Ngày: 20-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Dình

2. Ông Đinh Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm (gọi tắt là CEP). Địa chỉ: Số A, đường Cách mạng tháng tám, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng V, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Cao Quốc P, chức vụ: Trưởng phòng tín dụng, Chi nhánh C. Địa chỉ: Số A, đường H, phường C, thành phố T, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 30/01/2024), vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số E, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số E, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Cao Quốc P là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 13/10/2022, Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm (CEP), chi nhánh C có cho bà Phan Thị Đ vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 0,68%/tháng, lãi suất vay cố định trong suốt thời hạn vay, mục đích vay buôn bán nhỏ, phương thức trả nợ gốc và lãi định kỳ hàng tháng, mỗi tháng trả vào ngày 15 hàng tháng với số tiền gốc phải trả là 2.526.000 đồng và 204.000 đồng tiền lãi, thanh toán lần đầu vào ngày 15/11/2022.

Quá trình vay, tính đến ngày 14/5/2023 bà Đ đã thanh toán cho CEP số tiền 16.410.163 đồng, trong đó trả tiền vốn vay là 15.186.163 đồng và 1.224.000 đồng tiền lãi.

Do ông Nguyễn Văn M là chồng của bà Đ và ông M đã ký cam kết bảo lãnh trả nợ cho bà Đ vào ngày 09/9/2022 nên CEP yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị Đ và ông Nguyễn Văn M liên đới trả cho Quỹ CEP số tiền 16.037.837 đồng, trong đó tiền vốn vay là 14.813.837 đồng và tiền lãi là 1.224.000 đồng và không yêu cầu tính thêm tiền lãi.

Bà Phan Thị Đ là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà Đ vắng mặt không có lý do nên không có trình bày.

Ông Nguyễn Văn M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày tại biên bản hòa giải ngày 03/4/2024: Ông thống nhất vợ chồng ông còn nợ Quỹ CEP số tiền 16.037.837 đồng, trong đó tiền vốn vay là 14.813.837 đồng và tiền lãi là 1.224.000 đồng. Nay do hoàn chảnh kính tế gia đình khó khăn, ông phải nuôi mẹ già và hai con ăn học, vợ bị bệnh nên xin Quỹ CEP cho vợ chồng ông trả dần hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, trả liên tục đến khi xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm (CEP) có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Phan Thị Đ, việc tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Đ cư trú tại huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Ông P, bà Đ và ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và ông P có đơn xin vắng mặt, bà Đ và ông M vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: CEP có cho bà Đ vay số tiền 30.000.000 đồng, thông qua hợp đồng vay vốn ngày 13/10/2022, thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay: Buôn bán nhỏ; lãi suất vay 0,68%/tháng, lãi suất vay cố định trong suốt thời hạn vay; thời gian thanh toán nợ gốc và lãi định kỳ hàng tháng với số tiền gốc phải trả là 2.526.000

đồng và số tiền lãi là 204.000 đồng, thanh toán kỳ đầu tiên vào ngày 15/11/2022. Đồng thời với việc trả vốn và lãi vay, bà Đ có tham gia gửi tiết kiệm bắt buộc theo khoản vay mỗi kỳ là 300.000 đồng và tiền tiết kiệm định hướng mỗi kỳ là 170.000 đồng, tính đến ngày 12/5/2023 bà Đ có tổng số tiền tiết kiệm tại CEP là 2.686.163 đồng.

Quá trình vay, do bà Đ không thanh toán nợ nên CEP đã khấu trừ số tiền tiết kiệm bà Đ có được tại CEP vào số tiền vốn vay nên hiện bà Đ còn nợ CEP số tiền 16.037.837 đồng, trong đó tiền vốn vay là 14.813.837 đồng và tiền lãi là 1.224.000 đồng.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo từng kỳ theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng vay nên CEP khởi kiện bà Đ để thu hồi nợ trước hạn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét nghĩa vụ liên đới trả nợ: Do bà Đ vay tiền CEP trong thời kỳ hôn nhân với ông M, nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình và được ông Minh xác n nợ tại biên bản hòa giải ngày 03/4/2024. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi khởi kiện của CEP buộc bà Đ và ông M liên đới thanh toán số tiền vốn vay 14.813.837 đồng và tiền lãi là 1.224.000 đồng theo quy định tại các Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Do CEP không yêu cầu ông M và bà Đ trả tiền lãi từ sau ngày 30/01/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Đ và ông M phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định (16.037.837 đồng x 5% = 801.891 đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 288, 463, 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm (CEP) đối với bà Phan Thị Đ và ông Nguyễn Văn M.

Buộc bà Phan Thị Đ và ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm (CEP) số tiền 16.037.837 (mười sáu triệu không trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi bảy) đồng; trong đó tiền vốn vay là 14.813.837 đồng và tiền lãi là 1.224.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Phan Thị Đ và ông Nguyễn Văn M phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 801.891 (tám trăm lẻ một nghìn tám trăm chín mươi mốt) đồng

Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm (CEP) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 400.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008672 ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh LA;
- Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Duy